

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG TRÔM
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 140/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 21-8-2024

V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Yên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Văn Phúc.

2. Bà Đặng Thị Yên Nhi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Minh Thơ – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Ngày 21 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 291/2024/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2024 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 274/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 300/2024/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Huỳnh Thị O**, sinh năm 1980 (Có mặt);

Địa chỉ: Ấp H, xã Đ, huyện G, tỉnh Bến Tre.

2. *Bị đơn:* Ông **Tổng Văn Bé N**, sinh năm 1974 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp H, xã Đ, huyện G, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện; Bản khai; Biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, các tài liệu, chứng cứ cung cấp cho Tòa án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Huỳnh Thị O trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Tổng Văn Bé N sống chung với nhau từ năm 2000, sau đó mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang vào ngày 24/8/2001. Hôn nhân tự nguyện. Sau khi kết hôn, thời gian đầu ông bà sống hạnh phúc, nhưng đến tháng 5/2023 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm dẫn đến việc ông bà thường xuyên cãi vã; ông N thường xuyên uống rượu, về nhà kiểem chuyện, mắng chửi, nhục mạ bà. Bà đã khuyên can nhiều lần nhưng ông N vẫn không sửa đổi. Ông bà đã sống ly thân từ tháng 5/2023

đến nay. Nay bà xác định không còn tình cảm với ông N nên xin được ly hôn.

Về con chung: Bà và ông N có 01 con chung tên Tống Văn B, sinh ngày 05/11/2000, đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà và ông N không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và các Giấy triệu tập nhưng bị đơn ông N đều vắng mặt không có lý do nên không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào lời trình bày của đương sự đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền thụ lý giải quyết của Tòa án:

Bà Huỳnh Thị O khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre giải quyết ly hôn với ông Tống Văn Bé N, ông N đang cư trú tại xã Đ, huyện G, tỉnh Bến Tre. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền thụ lý giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự tại phiên tòa:

Bị đơn ông N đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông N.

Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Bà O và ông N tự nguyện sống chung với nhau từ năm 2000, sau đó tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang vào ngày 24/8/2001 nên quan hệ hôn nhân của ông bà là hợp pháp, được tôn trọng và được pháp luật bảo vệ.

Tuy nhiên, trong quá trình chung sống, theo bà O trình bày thì đến tháng 5/2023 giữa bà và ông N phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm dẫn đến việc ông bà thường xuyên cãi vã; ông N thường xuyên uống rượu, về nhà kiêu chuyện, mắng chửi, nhục mạ bà; bà đã khuyên can nhiều lần nhưng ông N vẫn không sửa đổi; ông bà đã sống ly thân từ tháng 5/2023 đến nay. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre đã nhiều lần mời bà O và ông N đến Tòa án tiến hành hòa giải nhằm hàn gắn nhưng bà O xác định không còn tình cảm với ông N và kiên quyết xin ly hôn, ông N đều vắng mặt không có lý do.

Như vậy, trong quá trình chung sống, giữa bà O và ông N đã có phát sinh mâu thuẫn, ông bà đã không còn thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Tòa án đã nhiều lần mời bà O và ông N đến Tòa án tiến hành hòa giải nhằm hàn gắn nhưng bà O xác định không còn tình cảm với ông N và kiên quyết xin ly hôn; ông N đều vắng mặt không có lý do, điều này thể hiện ông N đã bỏ mặc mối quan hệ hôn nhân giữa ông và bà O. Mặt khác, bà O và ông N đã sống ly thân thời gian dài nhưng đến nay cũng không hàn gắn được. Từ đó có đủ cơ sở khẳng định hôn nhân của bà O và ông N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà O, bà O được ly hôn với ông N.

[4] Về con chung:

Bà O và ông N có 01 con chung tên Tống Văn B, sinh ngày 05/11/2000, đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung:

Bà O trình bày không có; ông N vắng mặt, không có lý do và cũng không cung cấp ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà O nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Từ những nhận định trên, có đủ cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà O.

[6] Về án phí sơ thẩm:

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng do bà O phải nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 277, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị O:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Thị O được ly hôn với ông Tống Văn Bé N.

- Về con chung: Bà Huỳnh Thị O và ông Tống Văn Bé N có 01 con chung tên Tống Văn B, sinh ngày 05/11/2000, đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà Huỳnh Thị O trình bày không có; ông Tống Văn Bé N vắng mặt, không có lý do và cũng không cung cấp ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị O nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2. Về án phí sơ thẩm:

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng do bà Huỳnh Thị O phải nộp nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005193 ngày 10/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre. Bà Huỳnh Thị O đã nộp xong án phí.

3. Về quyền kháng cáo:

Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm. Đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- UBND xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Thị Phương Yến